

Số: 78/BC-UBND

Quảng Thành, ngày 01 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình triển khai công tác Cải cách hành chính quý III năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ các tháng cuối năm 2021

Thực hiện Công văn số 257/UBND ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền về việc hướng dẫn xây dựng báo cáo CCHC định kỳ năm 2021. Ủy ban nhân dân xã báo cáo tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính quý III năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ các tháng cuối năm 2021, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, TUYÊN TRUYỀN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 về triển khai công tác Cải cách hành chính năm 2021 trong đó UBND xã xác định 06 nhiệm vụ trọng tâm trong Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2011-2020 bao gồm: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử. Trong 6 tháng đầu năm 2021 UBND xã đã thực hiện hoàn thành một số nhiệm vụ như: Niêm yết thủ tục hành chính (TTHC), công khai tiến độ giải quyết TTHC và đăng tải các tin bài trên Trang thông tin điện tử xã, xây dựng kế hoạch triển khai công tác CCHC, thực hiện trao đổi văn bản giữa các cơ quan dưới dạng điện tử.... Trong thời gian tới UBND xã tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra để hoàn thành kế hoạch năm 2021.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND xã về triển khai công tác Cải cách hành chính năm 2021. Trên cơ sở Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 gồm 06 nhiệm vụ trọng tâm nêu trên. UBND xã chỉ đạo triển khai công tác cải cách hành chính theo các nội dung đã đề ra. Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch CCHC năm 2021. Đồng thời phối hợp với các ban, ngành liên quan thực hiện kế hoạch CCHC của UBND xã năm 2021.

- Tăng cường ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 theo các loại TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã được quy định tại Quyết định số

1150/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thực hiện tại tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020.

3. Về kiểm tra công tác cải cách hành chính

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 15/01/2021 về Kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và thực hiện Ý kiến chỉ đạo năm 2021 sẽ tiến hành kiểm tra đối với một số cán bộ, công chức với 02 hình thức: kiểm tra có báo trước và kiểm tra đột xuất; Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2021 về kiểm tra công vụ, kỷ cương, kỷ luật hành chính, hiệu quả, hiệu lực hoạt động bộ máy quản lý tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành.

- Giao trách nhiệm cho từng bộ phận thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy trình TTHC theo TCVN ISO 9001:2015 trên từng lĩnh vực để thời gian tới tiến hành công bố lại nếu có sự thay đổi.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

- Sau khi ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2021 về công tác tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021. Ủy ban nhân dân xã tiếp tục cập nhật kịp thời, đồng thời triển khai niêm yết tại bảng niêm yết danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã và bảng thông báo tại Bộ phận TN&TKQ danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết. Trong Quý I năm 2021, tiếp tục thực hiện Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Danh mục TTHC được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND các xã, phường, thị trấn. Đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản của Trung ương, tỉnh, huyện và của xã về công tác cải cách hành chính; thường xuyên tăng cường công tác tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử của xã; hệ thống đài truyền thanh xã nhằm nâng cao nhận thức về cải cách hành chính cho toàn thể cán bộ, công chức và người dân. Trong 6 tháng đầu năm 2021, Ủy ban nhân dân xã đã đăng tải 181 tin, trong đó bài về tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên trang thông tin điện tử của xã tại địa chỉ (<https://quangthanh.thuathienhue.gov.vn>) là 50 tin.

- Tiếp tục tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử và hệ thống bảng niêm yết Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế Ban hành quy định về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 25/01/2021 về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2021; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2021 về kiểm tra văn bản QPPL năm 2021; Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 03/3/2021 về xây dựng văn bản QPPL năm 2021. Đồng thời chỉ đạo công chức Tư pháp - Hộ tịch phối hợp với công chức Văn phòng - Thống kê xã và các ngành liên quan chủ động tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình HĐND quyết định.

- Trong 9 tháng đầu năm 2021 việc xây dựng và ban hành các văn bản QPPL được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, Hội đồng Nhân dân xã đã ban hành 01 văn bản quy phạm pháp luật: Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

- Để thực hiện tốt các nhiệm vụ liên quan đến cải cách thể chế, 9 tháng đầu năm 2021 UBND xã cũng đã ban hành Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 25/01/2021 về phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn xã Quảng Thành năm 2021; Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 25/01/2021 về theo dõi thi hành pháp luật năm 2021 trên địa bàn xã và Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 25/01/2021 về thực hiện công tác hòa giải cơ sở năm 2021.

- Trên cơ sở các kế hoạch đã ban hành, công chức Tư pháp - Hộ tịch đã tham mưu UBND xã báo cáo kịp thời công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật 9 tháng đầu năm 2021. Đồng thời báo cáo Tổng kết 06 năm thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Ngày 25/01/2021 UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 24/KH-UBND về công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021 đã xác định 5 nhiệm vụ trọng tâm.

- UBND đã ban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 20/01/2021 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021, chỉ đạo công chức Văn phòng - Thống kê phối hợp với các bộ phận liên quan tiến hành rà soát danh mục thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Tiếp tục chỉ đạo Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiến hành niêm yết công khai thủ tục hành chính theo Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 08/9/2018 của UBND tỉnh. Đồng thời, đã kịp thời rà soát, cập nhật các thủ tục hành chính của cấp trên để niêm yết và đưa vào thực hiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc giải quyết thủ tục hành chính và giám sát quá trình giải quyết thủ tục

hành chính cho tổ chức và công dân; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc của cơ quan, đơn vị.

- Tình hình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính được UBND xã quan tâm, thực hiện như: công khai các thông tin về địa chỉ, email, số điện thoại của cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, khiếu nại trên trang thông tin điện tử xã và tại bảng niêm yết TTHC để tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Trong 9 tháng đầu năm 2021 UBND xã không nhận được phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của tổ chức, công dân.

- Thường xuyên đồng bộ và thiết lập các TTHC mới để đảm bảo quy định và quá trình tiếp nhận hồ sơ của các bộ phận. Hiện tại có 216 TTHC đã được đồng bộ và thiết lập đúng quy trình.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Trong 9 tháng đầu năm 2021 UBND xã đã có một số thay đổi về tổ chức bộ máy: một số cán bộ, công chức thực hiện kiêm nhiệm một số chức danh thay (công chức Văn phòng - Thống kê kiêm nhiệm công chức Tư pháp - Hộ tịch, công chức văn phòng - Thống kê kiêm nhiệm công chức Văn hóa và xã hội).

- Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực, tận tụy phục vụ nhân dân. Xác định cụ thể các chức danh và tiêu chuẩn công chức phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ.

- Trong Quý III năm 2021, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: Đã tiếp nhận 230 hồ sơ và đã giải quyết đúng hạn 230 hồ sơ.

* Hiện nay tổng số cán bộ, công chức: 20 người. Trong đó:

- Về trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 01 người, chiếm tỷ lệ 5,0%; Đại học 18 người, chiếm tỷ lệ 90,0%; Trung cấp 01 người, chiếm tỷ lệ 5,0%;

- Về trình độ lý luận chính trị: Trung cấp lý luận chính trị 13 người, chiếm tỷ lệ 65,0%.

- Nhằm nâng cao chất lượng của CBCC về mọi mặt UBND xã đã tiến hành đánh giá CBCC Quý II/2021 và gửi hồ sơ về Phòng Nội vụ đúng thời gian quy định. Đồng thời cũng chỉ ra các hạn chế của CBCC để tìm ra giải pháp khắc phục, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của từng CBCC. Trong Quý III năm 2021 công chức Văn phòng - Thống kê sẽ tham mưu UBND xã họp đánh giá CBCC Quý III/2021.

4. Cải cách công vụ

- Đã thường xuyên quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức. Cuối năm 2020 UBND xã đã đăng ký danh sách nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng năm 2021. Tuy nhiên, từ đầu năm 2021 đến nay do tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp nên công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa đảm bảo theo kế hoạch.

- UBND xã cũng đã ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 05/02/2021 về kiểm tra công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính, hiệu lực, hiệu quả hoạt động bộ máy quản lý tại UBND xã Quảng Thành.

- Lập hồ sơ nâng lương thường xuyên đối với 01 đồng chí công chức theo đúng quy định vào đầu năm 2021.

- Thực hiện công văn số 81/PNV ngày 13/5/2021 của Phòng Nội vụ huyện Quảng Điền về việc lập hồ sơ, thủ tục đề nghị nâng bậc lương đợt I, năm 2021. UBND giao trách nhiệm cho công chức Văn phòng - Thống kê tham mưu hoàn thiện hồ sơ theo quy định về chế độ công vụ cho các CBCC trong đợt 2 năm 2021.

5. Cải cách tài chính công

- Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 06/01/2020 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công thuộc cơ quan xã Quảng Thành năm 2020.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Xác định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm áp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cải cách hành chính, phục vụ tốt hơn hoạt động của cơ quan và giải quyết công việc của cá nhân, tổ chức. Để triển khai có hiệu quả nội dung hiện đại hóa hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong các văn bản của cấp trên và nhu cầu thực tế tại địa phương, trong thời gian qua Ủy ban nhân dân xã đã ban hành các văn bản, đề ưu tiên phát triển ứng dụng CNTT.

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2020 về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin năm 2021 tại xã Quảng Thành; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2021 về triển khai thực hiện Chương trình cải cách hành chính gắn với phát triển chính quyền điện tử xã Quảng Thành.

- Trong Quý III năm 2021, nhằm tiếp tục phát huy hiệu quả của việc duy trì, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của UBND xã. UBND xã đã ban hành các văn bản để chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện như: Kế hoạch số 71/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 về việc triển khai thực hiện Mục tiêu chất lượng năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành; Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 04/12/2020 về duy trì và cải tiến Hệ thống Quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã Quảng Thành năm 2021; Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 19/02/2021 về việc phê duyệt kế hoạch đánh giá mục tiêu chất lượng năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành.

- Trong thời gian tới, UBND xã tiếp tục tiến hành rà soát danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, từ đó tiến hành công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã Quảng Thành.

III. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

1. Khó khăn, hạn chế

- Công tác cải cách hành chính đã được Đảng ủy, HĐND, UBND xã thường xuyên quan tâm, chỉ đạo. Tuy nhiên quá trình phối hợp thực hiện giữa các bộ phận, ban ngành liên quan chưa thực sự vào cuộc và cứng là nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Công tác ứng dụng công nghệ thông tin của một số cán bộ, công chức còn hạn chế cũng là nguyên nhân gây khó khăn trong việc thực hiện các nhiệm vụ chung và công tác cải cách hành chính nói riêng.

- Công tác tiếp nhận và trả kết quả tuy được quan tâm thực hiện nhưng vẫn chưa đảm bảo theo nhu cầu của người dân như: Nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính của công dân ngày càng lớn, tuy nhiên hiện tại công chức Văn phòng - Thống kê đang thực hiện kiêm nhiệm lĩnh vực tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính thay công chức Tư pháp - Hộ tịch.

- Hệ thống phần mềm xử lý dịch vụ công tập trung của tỉnh đôi lúc hoạt động không ổn định và còn hay bị trục trặc.

- Thủ tục hành chính thay đổi liên tục làm cho tiến độ triển khai chậm và chưa đồng bộ, gây khó khăn trong công tác kiểm soát, rà soát, đánh giá TTHC, cập nhật quy trình ISO vào hệ thống.

- Việc triển khai các phần mềm dùng chung của tỉnh kết quả vẫn chưa được như mong đợi, một số cán bộ, công chức chưa thực sự quan tâm, xử lý công việc được giao trên phần mềm Trang điều hành tác nghiệp đa cấp dẫn đến tình trạng quá hạn văn bản trên phần mềm; đối với phần mềm nhân sự một số cán bộ, công chức chưa thường xuyên cập nhật các thông tin thay đổi.

2. Kiến nghị, đề xuất

Kính đề nghị Sở Thông tin và truyền thông đưa ra các giải pháp để nâng cấp, sửa các lỗi trong phần mềm Xử lý dịch vụ công tập trung và phần mềm Quản lý văn bản và điều hành để phần mềm hoạt động ổn định hơn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG CÁC THÁNG CUỐI NĂM 2021

1. Triển khai thực hiện tốt công tác ứng dụng công nghệ thông tin; kiểm soát thủ tục hành chính; cải cách thủ tục hành chính; tiếp tục rà soát, công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định. Kiến nghị điều chỉnh các phần mềm dùng chung đảm bảo hoạt động có hiệu quả. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền công tác cải cách hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ, năng lực chuyên môn, thái độ ứng xử cho đội ngũ cán bộ, công chức. Tổ chức thực hiện tốt cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, giải quyết kịp thời, ứng pháp luật tránh gây phiền hà, sách nhiễu đối với tổ chức, cá nhân. Phần đầu thực hiện tốt công tác cải cách hành chính nhằm nâng cao chỉ số cải cách hành chính năm sau cao hơn năm trước. Tăng cường công tác tổ chức thực thi pháp luật trong cơ quan, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, minh bạch hóa hoạt động hành chính.

2. Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm tính hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật. Khắc phục những thiếu sót về thể thức văn bản, phát huy dân chủ, tiếp thu ý kiến của nhân dân để nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật. Thường xuyên rà soát các văn bản QPPL do HĐND ban hành.

3. Phát huy năng lực, nâng cao ý thức trách nhiệm và vai trò của cán bộ, công chức của UBND xã. Rà soát, đăng ký nhu cầu trang thiết bị, phương tiện với cấp trên để đáp ứng với nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin hiện nay. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động điều hành, quản lý nhằm giải quyết công việc, thông suốt, kịp thời.

4. Duy trì, triển khai và thực hiện tốt cải cách tài chính công, tiếp tục thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

5. Tăng cường công tác chỉ đạo điều hành trong việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

6. Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế “Một cửa, một cửa liên thông” trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC, thường xuyên thực hiện đồng bộ TTHC và số hóa hồ sơ trên phần mềm Xử lý dịch vụ công tập trung đảm bảo đúng quy định.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác Cải cách hành chính Quý III năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ các tháng cuối năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành./.

Nơi nhận:

- UBND huyện ;
- Phòng Nội vụ huyện;
- TV. Đảng ủy xã;
- TT.HĐND xã;
- CT, các PCT.UBND xã;
- Bộ phận TN&TKQ;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Khoa

Phụ lục

THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 01/9/2021 về tình hình triển khai công tác Cải cách hành chính Quý III và phương hướng nhiệm vụ Quý IV năm 2021)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			Các nhiệm vụ giao trong Kế hoạch CCHC của UBND huyện và các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	30	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	18	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	12	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Ban hành Kế hoạch tự kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC		KH số 08/KH- UBND ngày	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
			15/01/2021	
1.1.2.	Đảng ủy/HĐND xã/UBMTTQ Việt Nam xã/Các đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác CCHC của UBND xã	Cơ quan, đơn vị		Áp dụng đối với cấp xã
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			Trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của UBND tỉnh hoặc các ý kiến chỉ đạo giao cho UBND huyện thực hiện, trên cơ sở đó UBND huyện giao lại cho cơ quan, đơn vị, địa phương nào chủ trì thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó có trách nhiệm tổng hợp khi báo cáo
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	6	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát		146	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
1.6.	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) thuộc thẩm quyền giải quyết của cá nhân, tổ chức		00	
1.6.1	Số PAKN đã giải quyết	Số PAKN: 0	00	
1.6.2	Số PAKN chưa giải quyết			
1.7	Kế hoạch tuyên truyền CCHC		KH số 07/KH- UBND ngày 12/01/2021	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.7.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	06	
1.7.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	03	
1.7.3	Các hình thức tuyên truyền đã thực hiện	Hình thức	03	
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	01	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	01	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	01	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
2.6.	Xây dựng kế hoạch, báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật (THPL) và xử lý kết quả theo dõi THPL	Văn bản	KH số 20/KH-UBND ngày 25/01/2021	Áp dụng đối với cấp xã
2.7.	Thực hiện các hoạt động về theo dõi THPL (<i>Thu thập thông tin về tình hình THPL; Kiểm tra tình hình THPL; Điều tra, khảo sát tình hình THPL</i>)	Văn bản	Chưa thực hiện	Áp dụng đối với cấp xã
3.	Cải cách thủ tục hành chính			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.1.	Công khai TTHC và công khai tiến độ giải quyết hồ sơ			
3.1.1	Số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp được công khai trên Trang thông tin điện tử		787	
3.1.2	Số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được công khai trên Trang thông tin điện tử và Bảng niêm yết tại Trụ sở		216	
3.1.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Trang TTĐT của UBND cấp xã		06	Áp dụng đối với cấp xã
3.2.	Thống kê TTHC			Căn cứ theo Quyết định công bố của UBND tỉnh; chỉ thống kê theo cấp quản lý
3.2.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
3.2.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.2.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục		
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	216	
3.3.	Vận hành Cổng dịch vụ công			Căn cứ theo Quyết định

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				công bố của UBND tỉnh; chỉ thống kê theo cấp quản lý
3.3.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.3.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.4.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			Căn cứ theo Quyết định công bố của UBND tỉnh; chỉ thống kê theo cấp quản lý
3.4.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
3.4.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	76	
3.4.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.4.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	216/216 (100%)	
3.5.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.5.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.5.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	giải quyết đúng hạn			
3.5.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	100%	230/230 (100%)	
3.5.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	11/11 (100%)	
3.5.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	13/13 (100%)	
3.5.6.	Hồ sơ áp dụng chữ ký số trong các văn bản thông báo, gia hạn, xác minh hồ sơ, xin lỗi, trả kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm/Tổng số Hồ sơ cần thông báo, gia hạn, xác minh hồ sơ, xin lỗi, trả kết quả giải quyết TTHC		00	
3.6.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.6.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	216	
3.6.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	143	
3.6.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến	Thủ tục	0	
3.6.4.	Số TTHC đã đồng bộ, cấu hình quy trình giải quyết	Thủ tục	216	
3.6.5.	Hồ sơ TTHC được số hóa vào phần mềm (đảm bảo cả đầu vào và đầu ra)		230	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp huyện thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện	Cơ quan, đơn vị		
Trong đó	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người		
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0		
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
6.	Cải cách tài chính công			

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	6.414 tỷ	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	1.929 tỷ	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị		
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị		
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị		
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>huyện, cấp xã.</i>			
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.	Đơn vị	01	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	900	
7.6.2.	Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản		
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	100%	283	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%		
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	01	
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	31	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	70	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	0	
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	0	